

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HS-ST
Ngày: 04/5/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P - G

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lý và bà Lê Thị Toan;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh G tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Nguyễn Thanh An - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2022/TLST- HS ngày 01 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-HS ngày 14/4/2022 với bị cáo:

Văn T (tên gọi khác Đen), sinh năm 1989; tại G; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn 4, xã Biển Hồ, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Văn Chi, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Xuân, sinh năm 1958; bị cáo có vợ: Vũ Thị Th V, sinh năm 2001; con: có hai người con, sinh năm 2019 và năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Không. Về nhân thân: Tại Bản án số 33/2006/HSST ngày 20/12/2006 của Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 04 tháng tù về tội “*Trộm cắp T sản*” (theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999); chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh G. Ngày 22/01/2007, chấp hành xong hình phạt tù (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2021 đến ngày 24/12/2021, sau đó chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Người tham gia tố tụng khác:

1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Vũ Thị Th V, sinh năm 2001; Địa chỉ: Thôn 4, xã Biển Hồ, thành phố P, tỉnh G;

2. Người chứng kiến: bà Trần Thị N, sinh năm 1966 – Địa chỉ: Thôn 4, xã Biển Hồ, thành phố P, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Văn T là người có sử dụng chất ma túy; qua các mối quan hệ ngoài xã hội, T có số điện thoại của đối tượng Nu (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là người bán ma túy. Khoảng 08 giờ ngày 15/12/2021, T gọi điện thoại cho Nu hỏi mua ma túy; Nu đồng ý và hẹn T đến khu vực Bệnh viện đa khoa tỉnh G để giao dịch. Sau đó, T đón xe thô của 01 người đàn ông (chưa rõ nhân thân, lai lịch) chở đi đến điểm hẹn gặp Nu và đã mua 08 gói ma túy đá với giá 2.000.000 đồng, mục đích để sử dụng. Sau khi mua được ma túy, T cất giấu vào túi quần rồi đi về nhà tại số 40/12 đường Trần Huy Liệu, Thôn 4, xã Biển Hồ, thành phố P. Đến 19 giờ 45 phút cùng ngày, khi T đang ở nhà thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố P phối hợp với Công an xã Biển Hồ phát hiện, bắt quả tang; thu giữ trong túi quần bên phải của T 08 gói nilon chứa chất màu trắng dạng tinh thể (được niêm phong theo quy định); ngoài ra còn thu giữ của T 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo kèm sim số. Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nhà của T nhưng không thu giữ được vật chứng gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại Kết luận giám định số 823/KLGD ngày 24/12/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G, kết luận: *“Chất màu trắng, dạng tinh thể trong 08 gói nilon trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng là 1,6123 gam”*.

Tại bản cáo trạng số: 61/CT-VKS, ngày 28/3/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo: Văn T ra trước Tòa án nhân dân thành phố P để xét xử về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo mà bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo tù 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, về tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*. Bị cáo T không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vật chứng vụ án đề nghị: Tịch thu tiêu hủy mẫu vật hoàn trả sau khi giám định, không còn giá trị sử dụng là bì công văn ghi số 823/PC09 ngày 24/12/2021, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G và tịch thu sung công 01 điện thoại di động hiệu Oppo kèm sim số, bị cáo T đã sử dụng để liên lạc với đối tượng Nu mua ma túy.

Bị cáo Văn T đã nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố P, tỉnh G; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét sự vắng mặt của người chứng kiến không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các T liệu chứng cứ khác, kết luận giám định có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Bị cáo Văn T là người có sử dụng chất ma túy, vào lúc 19 giờ 45 phút ngày 15/12/2021, tại số 40/12 đường Trần Huy Liệu thuộc Thôn 4, xã Biển Hồ, thành phố P, khi bị cáo đang tàng trữ 1,6123 gam ma túy loại Methamphetamine thì bị phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào vào tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*, được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...”

Để có một mức án phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định: Bị cáo T không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo có nhân thân xấu, sau khi chấp hành xong hình phạt tù của bản án số 33/2006/HSST ngày 20/12/2006, trở về địa phương bị cáo không tu chí làm ăn lương thiện mà lại đi vào con đường nghiện ngập, tàng trữ trái phép 1,6123 gam chất ma túy loại Methamphetamine để sử dụng; pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, nhưng bị cáo T đã coi thường pháp luật, xem thường sức khỏe của chính bản thân để sử dụng ma túy loại Methamphetamine, khi sử dụng bị cáo cũng nhận thức được tính nguy hiểm của Methamphetamine nó là tác nhân gây nguy hại lớn cho sức khỏe của con người, người sử dụng sẽ gặp ảo giác, hủy hoại trí óc và cơ thể, đây cũng là một trong những nguyên nhân làm gia tăng tình trạng tội phạm, nguy hiểm cho xã hội; vì vậy cần xử lý nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[3] Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, phấn đấu trở thành một công dân tốt cho xã hội.

[4] Bị cáo T không có T sản riêng, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với đối tượng tên Nu mà bị cáo đã khai là người bán ma túy cho bị cáo vào ngày 15/12/2021, nhưng bị cáo T không biết rõ nhân thân, lai lịch của người có tên Nu; sau khi bị cáo liên lạc với Nu để mua ma túy, bị cáo đã xóa nên không xác định được số điện thoại của Nu và thông tin liên quan đến việc mua bán ma túy. Do đó, chưa có căn cứ điều tra, xử lý; Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xem xét và xử lý sau.

[6] Xử lý vật chứng vụ án đã thu giữ trong quá trình điều tra:

- 01(một) bì công văn ghi số 823/PC09 ngày 24/12/2021, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G (Có các chữ ký Nguyễn Văn Quỳnh, Phạm Thế Dũng, Bùi Sĩ Thà). Là mẫu vật hoàn trả sau khi giám định, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Oppo kèm sim số, bị cáo T đã sử dụng liên lạc với đối tượng Nu để mua ma túy là chứng cứ liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, nên cần tịch thu sung công.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Văn T (tên gọi khác: Đen) phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 và Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Văn T 02(hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2021 bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tịch thu sung công 01(một) chiếc điện thoại di động hiệu Oppo, kèm sim số (điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng);

+ Tịch thu tiêu hủy: 01(một) bì công văn ghi số 823/PC09 ngày 24/12/2021, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G (Có các chữ ký Nguyễn Văn Quỳnh, Phạm Thế Dũng, Bùi Sĩ Thà), là mẫu vật hoàn trả sau khi giám định, không còn giá trị sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/4/2022 của Cơ quan Công an và Cơ quan Thi hành án Dân Sự thành phố P, tỉnh G).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 *(Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án)* và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Văn T phải nộp 200.000đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

-Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (04/5/2022) lên Tòa án nhân dân tỉnh G để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Công an TP P;
- VKS TP P;
- Chi cục Thi hành án D.S TP P;
- Bị cáo và NTGTT;
- Lưu HS.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngà